

PHỤ LỤC DANH MỤC THIẾT BỊ BẢO TRÌ

(Đính kèm theo thông báo mời chào giá số 1828/TB-BV.TMHH ngày 26/8/2025)

STT	Tên thiết bị	Kiểu thiết bị	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Tần suất (lần/năm)	ĐVT	Số lượng
1	Dao mổ điện cao tần	Emed (100-007 (ES350))	Ba Lan	2021	1	Cái	1
2	Giường điện lưu bệnh cấp cứu 03 động cơ	HL-SK-156-1	Hàn Quốc	2021	1	Cái	26
3	Giường hồi sức cấp cứu đa năng 05 động cơ kèm cân điện tử + bàn ăn	HL-SK-154	Hàn Quốc	2021	1	Cái	27
4	Hệ thống an ninh nguồn phóng xạ				1	Hệ thống	1
5	Hệ thống bắt hình nhiễm sắc thể và FISH	BX51TRF	Nhật	2010	2	Hệ thống	1
6	Hệ thống bắt hình và phân tích FISH	BX51		2010	2	Hệ thống	1
7	Hệ thống CT-Scanner ≥ 64 lát cắt/vòng quay	SOMATOM GO.TOP	Đức	2021	1	Hệ thống	1
8	Hệ thống chụp cộng hưởng từ ≥ 1.5 Tesla	Magnetom Sempra	Đức	2021	1	Hệ thống	1
9	Hệ thống chụp hình gel	GENDOC EQ	Mỹ	2003	3	Hệ thống	1
10	Hệ thống chuyển đổi X quang kỹ thuật số CR	CR-IR 359, DR-ID 300	Nhật	2018	1	Hệ thống	1
11	Hệ thống đông lạnh nhanh huyết tương	GEN7	Ba Lan	2021	1	Hệ thống	1

STT	Tên thiết bị	Kiểu thiết bị	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Tần suất (lần/năm)	ĐVT	Số lượng
12	Hệ thống giải trình tự gen	Miseq	Mỹ	2019	2	Hệ thống	1
13	Hệ thống giải trình tự gen bằng điện di mao quản	3500DX GENETICANALYZER	Nhật Bản	2023	1	Hệ thống	1
14	Hệ thống giải trình tự gen bằng điện di mao quản	ABI 3500	Nhật Bản	2018	2	Hệ thống	1
15	Hệ thống lưu trữ huyết tương tự động	MK 14P	Ba Lan	2021	1	Hệ thống	1
16	Hệ thống lưu trữ tế bào gốc	Themo (7407;7451)	Mỹ	2009	2	Hệ thống	1
17	Hệ thống lưu trữ tế bào gốc tự động	BioArchive system	Mỹ	2024	1	Hệ thống	1
18	Hệ thống lưu trữ tế bào gốc tự động	Thermogenesis (Bio Archive) 3626	Mỹ	2010:1 2001:1	1	Hệ thống	2
19	Hệ thống lưu trữ tế bào máu cuống rốn tự động	Thermogenesis (BioArchive System)	Mỹ	2020:1	1	Hệ thống	1
20	Hệ thống máy theo dõi người bệnh	Carescape Centra	Mexico + Phần Lan	2019	1	Hệ thống	1
21	Hệ thống máy xét nghiệm PCR real - time tự động	Alinity m System	Mỹ	2021	1	Hệ thống	1
22	Hệ thống monitor trung tâm kèm 8 máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số	CNS-6201 và BSM 3562	Nhật	2021	1	Hệ thống	2

STT	Tên thiết bị	Kiểu thiết bị	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Tần suất (lần/năm)	ĐVT	Số lượng
23	Hệ thống tự động tìm kiếm nhiễm sắc thể và quét mẫu mô bệnh học	BX63	Nhật Bản	2021	3	Hệ thống	1
24	Hệ thống thiết bị giải trình tự dành cho HLA	ThermoFisher/OneLambda - Mỹ	Singapore	2019	1	Hệ thống	1
25	Hệ thống xử lý mô: - Máy đúc khối (1); - Máy nhuộm (1); - Máy xử lý mô tự động (1)	Histoline (TEC2800); Histoline (LST94); Histoline (ATP700)		2009	2	Hệ thống	1
26	Máy cân lắc túi máu	centron (CM735A)		2013	1	Cái	22
27	Máy chiếu xạ các thành phần máu	GAMMACELL 3000ELAN	Canada	2010	1	Cái	1
28	Máy điện tim	ECG-1250K	Nhật Bản	2021	1	Cái	2
29	Máy điện tim	ECG-1350K	Nhật	2021	1	Cái	5
30	Máy điện tim (3 kênh)	ECG-1150	Nhật	2014	1	Cái	1
31	Máy điện tim 6 kênh	ECG-3250	Nhật Bản	2024	1	Cái	4
32	Máy đo điện tim	BTL - 08 MD	Bulgari	2013	1	Cái	1
33	Máy đo điện tim	ECG-1250K	Nhật Bản	2018	1	Cái	1
34	Máy đo quang phổ DNA-RNA	Nanodrop One C	Mỹ	2024	1	Cái	2
35	Máy đúc khối mô	Histostar	Anh	2021	2	Cái	1
36	Máy ép huyết tương tự động	CompoMat G5	Thụy Điển	2017	1	Cái	2

STT	Tên thiết bị	Kiểu thiết bị	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Tần suất (lần/năm)	ĐVT	Số lượng
37	Máy ép và cắt túi tiết trùng tự động	HM 8000 AS	Đức	2024	2	Cái	1
38	Máy ép và in túi tiết trùng y tế tự động	HM 950 DC-VI	Đức	2024	2	Cái	1
39	Máy gây mê kèm thở nhi có monitor theo dõi khí mê	Máy gây mê Maquet (Flow-c) Monitor theo dõi người bệnh 05 thông số Nihon Kohden (BSM 3562)	Thụy Điển	2021	1	Cái	1
40	Máy giúp thở	Servo-S; Servo-i	Thụy Điển	2017; 2019	1	Cái	2
41	Máy giúp thở cao cấp	Servo-i	Thụy Điển	2021	1	Cái	3
42	Máy giúp thở di động	Astral 150	Úc	2021	1	Cái	1
43	Máy hàn dây túi máu	Composeal Slim	Ý	2024	1	Cái	6
44	Máy hàn dây túi máu	Composeal Universal	Thụy Điển	2017:2 2019:1	1	Cái	3
45	Máy hàn dây túi máu	centron (SE250)		2015	1	Cái	6
46	Máy hàn dây túi máu	DS-2		2023	1	Cái	3
47	Máy hàn dây túi máu	kabi	Ý	2024	1	Cái	2
48	Máy hàn dây túi máu cố định	Composeal Slim	Ý	2019	1	Cái	1
49	Máy hàn dây túi máu di động	Composeal Mobilea II	Đức	2024	1	Cái	1

STT	Tên thiết bị	Kiểu thiết bị	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Tần suất (lần/năm)	ĐVT	Số lượng
50	Máy hàn dây túi máu di động	Composeal Slim	Đức	2024	1	Cái	2
51	Máy hấp tiệt trùng	HYRAYAMA-Nhật Bản (HVE-50)	Nhật Bản	2018	1	Cái	1
52	Máy hấp tiệt trùng (loại ≥ 50 lít)	Hirayama (HVE-50)	Nhật	2016	1	Cái	1
53	Máy hấp tiệt trùng (loại ≥ 50 lít)	HVE-50	Nhật	2016	1	Cái	1
54	Máy hấp tiệt trùng (loại ≥ 50 lít)	SA-300H	Đài Loan	2015	1	Cái	1
55	Máy hấp tiệt trùng 2 cửa (loại ≥ 400 lít)	GSS67H10	Thụy Điển	2017	2	Cái	1
56	Máy hấp ướt tiệt khuẩn 2 cửa	48H	Mexico	2021	2	Cái	1
57	Máy hấp y dụng cụ	SS - 325	Nhật	2001	1	Cái	1
58	Máy hấp y dụng cụ	Sturdy (SA-300H)		2014	1	Cái	1
59	Máy hút lấy mẫu không khí	IUL (Spin Air)	Tây Ban Nha	2017	1	Cái	1
60	Máy khử rung tim	IPX2	Đức	2010	1	Cái	1
61	Máy khử rung tim	IPX2	Đức	2009	1	Cái	1
62	Máy khử rung tim	Nihon Kohden (TEC-5521K)	Nhật	2014	1	Cái	1
63	Máy lai fish	S500-24	Mỹ	2011	1	Cái	1

STT	Tên thiết bị	Kiểu thiết bị	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Tần suất (lần/năm)	ĐVT	Số lượng
64	Máy lai lam kính dùng trong kỹ thuật Fish	ThermoBrite	Mỹ	2021	1	Cái	1
65	Máy lắc cân túi máu	CM735	Hàn Quốc	2015	1	Cái	4
66	Máy lắc cân túi máu	CompoGuard Complete	Đức	2024	1	Cái	6
67	Máy lắc cân túi máu	HemoLight® Plus	Đức	2009	1	Cái	2
68	Máy lắc cân túi máu	HemoLightR Plus		2009	1	Cái	1
69	Máy lắc túi máu và cân tự động	MW-2000	Việt Nam	2021	4	Cái	6
70	Máy luân nhiệt (PCR)	2720	Singapore	2013	2	Cái	1
71	Máy luân nhiệt PCR (loại 96 giếng)	2720	Pháp	2011	1	Cái	1
72	Máy luân nhiệt PCR (loại 96 giếng)	2720	Singapore	2018	2	Cái	1
73	Máy ly tâm lạnh	ROTINA 380R	Đức	2015	2	Cái	1
74	Máy ly tâm lạnh tube máu	Kubota (3520)	Nhật	2015	1	Cái	1
75	Máy ly tâm lạnh tube máu	Sorvall Legend Micro 21R	Đức	2021	2	Cái	2
76	Máy ly tâm lạnh tube máu	Sorvall Legend Micro 21R	Đức	2021	1	Cái	1
77	Máy ly tâm lạnh tube máu	UNIVERSAL 320R	Đức	2016	1	Cái	1

STT	Tên thiết bị	Kiểu thiết bị	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Tần suất (lần/năm)	ĐVT	Số lượng
78	Máy ly tâm lạnh túi máu	6000i	Đức	2010	1	Cái	5
79	Máy ly tâm lạnh túi máu	Sorvall BP 16	Đức	2017	1	Cái	7
80	Máy ly tâm lạnh túi máu	Thermo Scientific (Sorvall Legend XFR)	Đức	2019	1	Cái	1
81	Máy ly tâm lạnh túi máu	Thermo Scientific (SORVALL RC4)	Đức	2008	1	Cái	1
82	Máy ly tâm tube máu	4000	Nhật	2010: 2 2011: 1	1	Cái	3
83	Máy ly tâm tube máu	Hettich (Rotofix 32A)	Đức	2016	1	Cái	1
84	Máy ly tâm tube máu	Kubota (3300)	Nhật Bản	2019	1	Cái	1
85	Máy ly tâm tube máu	Kubota (S300T)	Nhật Bản	2019	1	Cái	1
86	Máy ly tâm tube máu	Sorvall ST16	Đức	2021	1	Cái	5
87	Máy ly tâm tube máu (15ml)	ROTINA 380	Đức	2024	2	Cái	1
88	Máy ly tâm tube máu (5ml, 32 tube)	Sorvall ST16	Đức	2017	1	Cái	2
89	Máy nối dây vô trùng	Compodock	Thụy Điển	2017	1	Cái	4

STT	Tên thiết bị	Kiểu thiết bị	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Tần suất (lần/năm)	ĐVT	Số lượng
90	Máy nhân gen PCR	Veriti Dx 96W Thermal Cyclers 0,2ml	Singapore	2021	2	Cái	2
91	Máy nhân gen PCR	Veriti 96W Thermal Cyclers	Singapore	2021	1	Cái	1
92	Máy nhân gen PCR	Veriti 96W Thermal Cyclers	Singapore		2	Cái	1
93	Máy nhân gen PCR	Veriti Dx 96W Thermal Cyclers 0.2ml	Singapore	2021	1	Cái	1
94	Máy nhân gen PCR (loại 96 giếng)	Veriti		2018	1	Cái	1
95	Máy nhuộm tiêu bản tự động có sấy khô	Gemini AS	Anh	2021	2	Cái	1
96	Máy PCR (loại 96 giếng)	2720	Singapore	2017	2	Cái	2
97	Máy phá rung tim	TEC-5631	Nhật	2021	1	Cái	3
98	Máy quay ly tâm	BIOFUGE STRATOS	Mỹ	2010	2	Cái	1
99	Máy quay ly tâm	Jouan (CR 4-22)	Pháp	2004	1	Cái	1
100	Máy quay ly tâm	Labo Fuge 300	Đức	2014	1	Cái	1
101	Máy quay ly tâm	Labofuge 300	Mỹ	2010	1	Cái	2
102	Máy quay ly tâm	4000	Nhật	2008; 2015	1	Cái	4
103	Máy quay ly tâm	MIKRO120	Đức	2020	1	Cái	1

STT	Tên thiết bị	Kiểu thiết bị	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Tần suất (lần/năm)	ĐVT	Số lượng
104	Máy quay ly tâm dịch não tủy	Cytospin 4	Mỹ	2016	1	Cái	1
105	Máy quay ly tâm Kubota	Kubota (S500T)	Nhật Bản	2024	1	Cái	1
106	Máy quay ly tâm lạnh	3780	Nhật Bản	2008	1	Cái	1
107	Máy quay ly tâm lạnh tốc độ cao	MIKRO 200R	Đức	2014	2	Cái	1
108	Máy quay ly tâm lạnh tốc độ cao	ROTINA 380R	Đức	2024	2	Cái	1
109	Máy quay ly tâm lạnh tube máu	MIKRO 220R	Đức	2019	2	Cái	1
110	Máy quay ly tâm tube máu (5ml, 70 tube)	Sorvall ST16	Đức	2017	1	Cái	3
111	Máy rửa khử khuẩn dụng cụ	WD8666	Thụy Điển	2017	2	Cái	1
112	Máy rửa khử khuẩn dụng cụ 02 cửa	3052	Canada	2021	2	Cái	1
113	Máy rửa khử khuẩn xe đẩy, giường bệnh 02 cửa	VISION 1330L	Canada	2021	2	Cái	1
114	Máy sấy dụng cụ	MOV - 212	Nhật	2010	1	Cái	1
115	Máy siêu âm di động (loại 2 đầu dò) Phụ kiện: Xe inox để máy	LOGIQ BOOK XP	Mỹ	2011	1	Cái	1
116	Máy siêu âm Doppler màu	ClearVue 550	Mỹ	2015	1	Cái	1

STT	Tên thiết bị	Kiểu thiết bị	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Tần suất (lần/năm)	ĐVT	Số lượng
117	Máy siêu âm Doppler màu	GE Ultrasound Korea Ltd (LOGIQ P7)	Hàn Quốc	2021	1	Cái	1
118	Máy siêu âm doppler màu	LOGIQ P7	Hàn Quốc	2021	1	Cái	1
119	Máy siêu âm doppler màu ≥ 4 đầu dò	LOGIQ P9	Hàn Quốc	2021	1	Cái	3
120	Máy siêu âm màu (loại 3 đầu dò)	ENVISOR CHD	Mỹ	2008	1	Cái	1
121	Máy siêu âm màu 3 đầu dò	ACUSON NX2	Hàn Quốc	2019	1	Cái	1
122	Máy tiệt trùng nhiệt độ thấp sử dụng khí EO (Máy kiểm tra vi sinh EO (loại 4 giờ)	GS8-2D (3M (390G))	Mỹ	2021	2	Cái	1
123	Máy theo dõi bệnh nhân ≥ 3 thông số	SVM-7260	Nhật Bản	2024	1	Cái	1
124	Máy theo dõi bệnh nhân ≥ 4 thông	Carescape V100	Mexico	2021	1	Cái	2
125	Máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số	BSM-3562	Nhật Bản	2021; 2024	1	Cái	24
126	Máy theo dõi dấu hiệu sinh tồn	Ri - vital	Đức	2012; 2014; 2015	1	Cái	7
127	Máy theo dõi người bệnh 3 thông số	Nihon Kohden (SVM-7260)	Nhật	2021	1	Cái	17
128	Máy theo dõi người bệnh 5 thông số	BSM-2301K	Nhật	2005	1	Cái	1

STT	Tên thiết bị	Kiểu thiết bị	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Tần suất (lần/năm)	ĐVT	Số lượng
129	Máy theo dõi người bệnh 6 thông số	B20	Trung Quốc	2015	1	Cái	1
130	Máy theo dõi người bệnh 6 thông số (Monitor 06 thông số)	Datex Ohmeda (FCMC105)	Phần Lan	2009	1	Cái	1
131	Máy theo dõi người bệnh 6 thông số (Monitor 06 thông số)	Mindray DS/ Datascope (Passport V)	Mỹ	2014	1	Cái	1
132	Máy thở đa năng di động	Elisee 150	Pháp	2015	1	Cái	1
133	Máy X-Quang di động cao tần	MOBILEART ECO MUX-10	Nhật	2011	1	Cái	1
134	Máy X-quang KTS cố định	RADSPEED PRO	Nhật Bản	2021	1	Cái	2
135	Máy X-quang KTS di động	MobileDaRt Evolution	Nhật	2021	1	Cái	2
136	Máy xử lý mô kín tự động hoàn toàn	Revos	Anh	2021	4	Cái	1
137	Monitor 06 thông số	FCMC1-05	Đức	2009	1	Cái	1
138	Nồi cấy mô	A84600060	Anh	2011	2	Cái	1
139	Tủ an toàn sinh học	BIO-II	Mỹ	2011	2	Cái	1
140	Tủ an toàn sinh học cấp II	1386	Mỹ	2024	2	Cái	1
141	Tủ an toàn sinh học cấp II	1386	Mỹ	2017; 2021	1	Cái	7
142	Tủ an toàn sinh học cấp II	AC2-3E8	Indonesia	2019	2	Cái	1

STT	Tên thiết bị	Kiểu thiết bị	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Tần suất (lần/năm)	ĐVT	Số lượng
143	Tủ an toàn sinh học cấp II	Esco (AC2-3E8)	Indonesia	2017	1	Cái	1
144	Tủ an toàn sinh học cấp II	Esco (AC2-4E8)	Indonesia	2016	1	Cái	1
145	Tủ an toàn sinh học cấp II	Thermo Scientific (1386)	Mỹ	2024	1	Cái	2
146	Tủ an toàn sinh học cấp II	AC2-3E8	Indonesia	2017	1	Cái	1
147	Tủ Bảo Quản Chế Phẩm Có Cảnh Báo Không Dây	MED0142	Ý	2019	1	Cái	1
148	Tủ bảo quản tiểu cầu kèm máy lắc	Helmer – Mỹ PC100i	Mỹ	2021	1	Cái	1
149	Tủ bảo quản tiểu cầu kèm máy lắc (loại 192 túi)	PC2200i/ PF96i	Mỹ	2017	1	Cái	3
150	Tủ bảo quản tiểu cầu kèm máy lắc (loại 96 túi)	PN300	Thổ Nhĩ Kỳ	2016	1	Cái	3
151	Tủ bảo quản tiểu cầu kèm máy lắc loại 15 túi	Helmer - Mỹ	Mỹ	2021	1	Cái	1
152	Tủ bảo quản tiểu cầu kèm máy lắc loại 15 túi	Helmer (PC100i và PF15i)	Mỹ	2021	1	Cái	3
153	Tủ bảo quản tiểu cầu kèm máy lắc loại 15 túi	PC100i	Mỹ	2021	1	Cái	3

STT	Tên thiết bị	Kiểu thiết bị	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Tần suất (lần/năm)	ĐVT	Số lượng
154	Tủ bảo quản tiểu cầu kèm máy lắc loại 48 túi	PC900i	Mỹ	2021	1	Cái	1
155	Tủ cấy vô trùng	MCVB131S(T)	Nhật	2010	1	Cái	4
156	Tủ cấy vô trùng	MCV-B131S(T)	Nhật	2010	2	Cái	1
157	Tủ đông lạnh nhanh huyết tương	Plastmafrost 3	Ý	2017	2	Cái	1
158	Tủ hút khí độc	Mortech (GL115)	Mỹ	2021	1	Cái	1
159	Tủ lạnh âm (-20 độ C) $\geq$ 400 lít	MDF-U5412-PE	Nhật	2021	1	Cái	1
160	Tủ lạnh âm (-40°C)	MDF-U5412	Nhật Bản	2017	1	Cái	1
161	Tủ lạnh âm (-40°C) $\geq$ 400 lít	MDF-MU549DH-PE	Indonesia	2024	1	Cái	4
162	Tủ lạnh âm (-40°C) $\geq$ 400 lít	MDF-U5411	Nhật	2006: 1 2008:1 2010: 3	1	Cái	5
163	Tủ lạnh âm (-40°C) $\geq$ 400 lít	Sanyo (MDF-U5411)	Nhật	2008	1	Cái	1
164	Tủ lạnh âm (-40°C) $\geq$ 480 lít	MDF-U5412	Nhật Bản	2017	1	Cái	3
165	Tủ lạnh âm (-80°C) $\geq$ 300 lít	MDF-U33V	Nhật Bản	2017	1	Cái	3
166	Tủ lạnh âm (-80°C) $\geq$ 300 lít	Panasonic (MDF-U33V)	Nhật	2016	1	Cái	1

STT	Tên thiết bị	Kiểu thiết bị	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Tần suất (lần/năm)	ĐVT	Số lượng
167	Tủ lạnh âm (-80°C) ≥ 350 lít	Sanyo (MDF-U4086S)	Nhật	2005	1	Cái	1
168	Tủ lạnh âm (-80°C) ≥ 400 lít	MDF-DU502VH-PE	Nhật Bản	2024	1	Cái	1
169	Tủ lạnh âm (-80°C) ≥ 400 lít	PHC Corporation	Nhật Bản	2024	1	Cái	1
170	Tủ lạnh âm (-80°C) ≥ 500 lít	MDF-U53V	Nhật	2010	1	Cái	3
171	Tủ lạnh âm (-80°C) ≥ 500 lít	MDF-U55V-PE	Nhật Bản	2019	1	Cái	1
172	Tủ lạnh âm (-80°C) ≥ 500 lít	Panasonic (MDF-U55V)	Nhật	2014	1	Cái	1
173	Tủ lạnh âm (-80°C) ≥ 500 lít	PHC (MDF-U55V)	Nhật Bản	2019	1	Cái	1
174	Tủ lạnh âm (loại - 20°C đến 14°C, 215 lít)	MPR-215F	Nhật Bản	2013	1	Cái	1
175	Tủ lạnh âm (loại - 20°C, 482 lít)	MDF-U537	Nhật	2008	1	Cái	1
176	Tủ lạnh âm (loại - 40°C, 400 lít)	MDF -U5411	Nhật	2007	1	Cái	1
177	Tủ lạnh âm 80 °C	MDF-U33V	Nhật Bản	2016	1	Cái	1
178	Tủ lạnh chuyên dụng (loại 2°C đến 14°C)	MPR 513	Nhật	2006	1	Cái	1
179	Tủ lạnh chuyên dụng (loại 2°C đến 14°C)	MPR-311 D(H)	Nhật Bản	2014	1	Cái	1
180	Tủ lạnh chuyên dụng (loại 2°C đến 14°C)	MPR-414F	Nhật	2011	1	Cái	1

STT	Tên thiết bị	Kiểu thiết bị	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Tần suất (lần/năm)	ĐVT	Số lượng
181	Tủ lạnh chuyên dụng (loại 2°C đến 14°C)	Panasonic (MPR-514)	Nhật Bản	2017	1	Cái	1
182	Tủ lạnh chuyên dụng (loại 2°C đến 14°C)	PHC (MPR-514-PE)	Nhật Bản	2020	1	Cái	1
183	Tủ lạnh chuyên dụng (loại 2°C đến 14°C)	Sanyo (MPR513)	Nhật	2006	1	Cái	1
184	Tủ lạnh chuyên dụng (loại 2°C đến 14°C)	Sanyo (MPR514)	Nhật	2011	1	Cái	1
185	Tủ lạnh trữ mẫu	MED0101	Ý	2016	1	Cái	1
186	Tủ lạnh trữ mẫu (loại - 20°C đến 14°C, 175 lít)	MPR-215F-PE	Nhật	2015	1	Cái	1
187	Tủ lạnh trữ mẫu ≥ 150 lít	MPR-S163	Nhật	2017; 2021	1	Cái	2
188	Tủ lạnh trữ mẫu ≥ 210 lít	MPR-215F	Nhật Bản	2017	1	Cái	1
189	Tủ lạnh trữ mẫu 2-14°C tới -30°C	MPR-215F-PE	Nhật Bản	2019	1	Cái	1
190	Tủ lạnh trữ mẫu, hóa chất chuyên dụng ≥ 150 lít	MPR-S163-PE	Nhật Bản	2019	1	Cái	1
191	Tủ lạnh trữ mẫu, hóa chất chuyên dụng ≥ 480 lít	MPR-514-PE	Nhật Bản	2019	1	Cái	1
192	Tủ pha hóa chất chuyên dụng (01 chiều)	S@fe ³ (S@fe ³ 1.2)	Ý	2021	1	Cái	2

STT	Tên thiết bị	Kiểu thiết bị	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Tần suất (lần/năm)	ĐVT	Số lượng
193	Tủ trữ máu (4 độ C) $\geq$ 300 lít	MBR-305GR-PE	Nhật	2021	1	Cái	1
194	Tủ trữ máu (4°C) $\geq$ 480 lít	MBR 513	Nhật	2007	1	Cái	1
195	Tủ trữ máu (4°C) $\geq$ 1000 lít	MBR1014	Nhật	2010	1	Cái	3
196	Tủ trữ máu (4°C) $\geq$ 1000 lít	MBR1404G	Nhật	2007	1	Cái	1
197	Tủ trữ máu (4°C) $\geq$ 400 lít	MBR506D	Nhật	2006	1	Cái	1
198	Tủ trữ máu (4°C) $\geq$ 400 lít	MBR-506D(H)	Nhật	2010; 2014; 2017	1	Cái	5
199	Tủ trữ máu (4°C) $\geq$ 70 lít	MBR-107D(H)	Nhật	2012	1	Cái	1
200	Tủ trữ máu (4°C) $\geq$ 70 lít	MBR-107D(H) - PE	Nhật	2015	1	Cái	1
201	Tủ trữ máu (4°C) $\geq$ 70 lít	PHC corporation MBR-107DH-PE	Nhật	2021	1	Cái	8
202	Tủ trữ máu (loại 2°C đến 4 °C)	MBR - 107 D(H)	Nhật Bản	2014	1	Cái	1
203	Tủ trữ máu (loại 2°C đến 4 °C)	MBR - 305 GR	Nhật Bản	2013	1	Cái	1
204	Tủ trữ máu (loại 2°C đến 4 °C)	MBR-107D (H)	Nhật	2013	1	Cái	1
205	Tủ trữ thuốc, hóa chất (2 -14°C) $\geq$ 150 lít	KM-RS16A1E	Nhật	2015	1	Cái	1

STT	Tên thiết bị	Kiểu thiết bị	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Tần suất (lần/năm)	ĐVT	Số lượng
206	Tủ trữ thuốc, hóa chất (2 -14°C) ≥ 150 lít	MPR-S163-PE	Nhật	2019; 2021	1	Cái	10
207	Tủ trữ thuốc, hóa chất (2 -14°C) ≥ 150 lít	Panasonic (MPR-S163)	Nhật	2017	1	Cái	1
208	Tủ trữ thuốc, hóa chất (2 -14°C) ≥ 150 lít	PHC Corporation (MPR-S150H-PE)	Indonesia	2024	1	Cái	1
209	Tủ trữ thuốc, hóa chất (2 -14°C) ≥ 150 lít	PHC corporation MPR-S163-PE	Nhật	2021	1	Cái	4
210	Tủ trữ thuốc, hóa chất (-20 đến 14°C) ≥ 210 lít	Panasonic (MPR-215F)	Nhật	2017	1	Cái	1
211	Tủ trữ thuốc, hóa chất (-20 đến 14°C) ≥ 210 lít	PHC (MPR-215F-PE)	Nhật Bản	2019	1	Cái	1
212	Tủ trữ thuốc, hoá chất (-20 đến 14°C) ≥ 400 lít	MPR-414F-PB	Nhật Bản	2021	1	Cái	4
213	Tủ trữ thuốc, hóa chất (2-14 °C) ≥ 300 lít	MPR-311 D(H)	Nhật Bản	2013	1	Cái	2
214	Tủ trữ thuốc, hóa chất (2-14 °C) ≥ 300 lít	MPR-S313-PE	Nhật Bản	2019; 2021	1	Cái	13
215	Tủ trữ thuốc, hóa chất (2-14 °C) ≥ 300 lít	Panasonic (MPR-S313)	Nhật	2017	1	Cái	1
216	Tủ trữ thuốc, hóa chất (2-14 °C) ≥ 300 lít	PHC Corporation (MPR-S313-PE)	Nhật Bản	2021	1	Cái	2
217	Tủ trữ thuốc, hóa chất (2-14°C) ≥ 150 lít	MPR-S150H-PE	Indonesia	2025	1	Cái	1
218	Tủ trữ thuốc, hóa chất (2-14°C) ≥ 450 lít	MPR 513489E	Nhật	2007	1	Cái	1

STT	Tên thiết bị	Kiểu thiết bị	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Tần suất (lần/năm)	ĐVT	Số lượng
219	Tủ trữ thuốc, hóa chất (2-14°C) ≥ 450 lít	MPR-513	Nhật	2007	1	Cái	1
220	Tủ trữ thuốc, hóa chất (2-14°C) ≥ 450 lít	MPR-514	Nhật Bản	2016	1	Cái	1
221	Tủ trữ thuốc, hóa chất (2-14°C) ≥ 450 lít	MPR-514-PE	Nhật Bản	2021	1	Cái	10
222	Tủ trữ thuốc, hóa chất (2-14°C) ≥ 450 lít	PHC (MPR-S500H-PE)	Indonesia	2024	1	Cái	1
223	Tủ trữ thuốc, hóa chất (2-14°C) ≥ 450 lít	PHC Corporation (MPR-S500H-PE)	Indonesia	2024	1	Cái	1
224	Tủ trữ thuốc, hóa chất (2-8°C) ≥ 70 Lít	Fiocchenti (Emotaco 140)	Ý	2015	1	Cái	1
225	Tủ ủ 37°C	EMI120	Mỹ	2009	1	Cái	2
226	Tủ ủ 37°C, CO2	MCO-175	Nhật	2005	1	Cái	2
227	Tủ ủ 37°C, CO2 ≥ 150 lít	Forma Steri - Cycle i160	Đức	2017	1	Cái	1
228	Tủ ủ 37°C, CO2 ≥ 150 lít	Thermo Electron LED GmbH/Thermo Fisher Scientific (Forma Steri-Cycle i160)	Đức	2021	1	Cái	1
229	Tủ ủ 37°C, CO2 ≥ 150 lít	Thermo Electron LED GmbH/Thermo Fisher Scientific (Forma Sterile Cycle i160)	Đức	2021	1	Cái	1
230	Tủ ủ 37°C (≥ 153 lít)	Panasonic (MIR-262- PK)	Nhật	2016	1	Cái	1

STT	Tên thiết bị	Kiểu thiết bị	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Tần suất (lần/năm)	ĐVT	Số lượng
231	Tủ ủ 37°C (≥ 93 lít)	Panasonic (MIR-162- PK)	Nhật	2016	1	Cái	1
232	Tủ xử lý mẫu vô trùng	Telstart (BIO-II)	Tây Ban Nha	2000	1	Cái	1
233	Thiết bị hạ nhiệt tế bào gốc	Themo (7451)	Mỹ	2019	1	Cái	1
234	Thiết bị trữ mẫu trong nitơ lỏng (loại ≥ 160 lít)	IC Biomedical (LS6000-CS100)	Mỹ	2024	1	Cái	1
235	Thiết bị trữ mẫu trong nitơ lỏng (loại ≥ 160 lít)	Taylor Wharton (LS6000)	Mỹ	2014; 2017	1	Cái	2
236	Thiết bị trữ mẫu trong nitơ lỏng (loại ≥ 160 lít)	Worthington Industries (LS6000-CS100)	Mỹ	2019	1	Cái	1
237	Thiết bị trữ túi máu trong nitơ lỏng (loại 1500 lít)	Chart Inc. – Mỹ (HECO 1536P-190AF-TS)	Mỹ	2019	1	Cái	1
238	Thùng lưu trữ và vận chuyển mẫu	POR0065	Ý	2016	1	Cái	1

- Địa điểm thực hiện dịch vụ: Bệnh viện Truyền máu Huyết học (Số 118 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, TP. HCM và Số 01 Trần Hữu Nghiệp, Xã Tân Nhựt, TP. HCM)

- Dự kiến ngày hoàn thành dịch vụ: Trong vòng **365** ngày kể từ ngày ký hợp đồng

PHỤ LỤC YÊU CẦU KỸ THUẬT

(Đính kèm theo thông báo mời chào giá số 1828/TB-BV.TMHH ngày 26/8/2025)

A. Yêu cầu chung:

- Bảo trì định kỳ theo khuyến cáo của hãng sản xuất.
- Công tác bảo trì được thực hiện ngay sau khi ký kết hợp đồng và được sắp xếp thực hiện vào các ngày làm việc trong tuần trong khoảng thời gian từ 8:00 – 16:00 thứ 2 đến thứ 6. Các trường hợp khác ngoài khung giờ trên, đơn vị thực hiện bảo trì phải thông báo trước cho phòng vật tư, thiết bị y tế của bệnh viện để thuận tiện sắp xếp lịch làm việc và liên hệ công tác.
- Trước khi thực hiện bảo trì, đơn vị thực hiện sẽ gửi thông báo **kế hoạch dự kiến bảo trì** cho phòng vật tư, thiết bị y tế của bệnh viện để thuận tiện sắp xếp lịch làm việc phù hợp theo hoạt động của các khoa/phòng.
- Yêu cầu đáp ứng của đơn vị thực hiện bảo trì trong trường hợp thiết bị gặp sự cố, hư hỏng:
 - + Không giới hạn cuộc gọi tư vấn hỗ trợ khi có sự cố, hư hỏng, có hotline của nhân viên kỹ thuật hỗ trợ bệnh viện 24/24.
 - + Trong quá trình bảo trì, nếu có phát hiện hư hỏng của thiết bị, đơn vị thực hiện bảo trì phải thông báo ngay cho bệnh viện (ghi rõ trên phiếu bảo trì thiết bị) và phải có giải pháp khắc phục kịp thời, đảm bảo cho thiết bị hoạt động liên tục.
 - + Nhằm đảm bảo khi thiết bị có sự cố hư hỏng xảy ra, đơn vị thực hiện bảo trì cam kết cung cấp các linh phụ kiện, vật tư thay thế đầy đủ và không bị gián đoạn bởi các ngày nghỉ theo quy định của Nhà nước. Việc cung cấp các linh phụ kiện, vật tư thay thế sẽ được thực hiện tại hợp đồng riêng biệt tách khỏi hợp đồng bảo trì thiết bị.
 - + Kể từ khi nhận được thông báo có sự cố hư hỏng đối với thiết bị từ phía bên A (bằng điện thoại, văn bản, fax): nhân viên kỹ thuật của bên B phải có mặt để giải quyết sự cố trong vòng 08 giờ khi xảy ra sự cố hư hỏng đối với ngày thường và trong vòng 24 giờ đối với ngày nghỉ/ngày lễ theo quy định của Nhà nước.
 - + Đơn vị bảo trì kiểm tra, khắc phục miễn phí đối với các sự cố, hư hỏng có thể khắc phục tại chỗ mà không cần thay thế vật tư, linh phụ kiện.
- Yêu cầu về nhân sự thực hiện bảo trì:
 - + Có ít nhất 01 kỹ sư tốt nghiệp Đại học chuyên ngành điện/điện tử/cơ khí/vật lý kỹ thuật y sinh/hóa học/công nghệ sinh học/... (có tài liệu minh chứng kèm theo)
 - + Có kinh nghiệm thực hiện bảo trì trang thiết bị y tế

B. Yêu cầu chi tiết tối thiểu của công việc bảo trì:

Nội dung công việc bảo trì (theo phiếu bảo trì thiết bị do đơn vị bảo trì cung cấp) phải đảm bảo:

- Thực hiện các bước theo quy trình kỹ thuật theo khuyến cáo của nhà sản xuất, đảm bảo an toàn tuyệt đối.

- Đối với các bước kiểm tra có tiêu chuẩn kỹ thuật theo tài liệu của hãng, yêu cầu cung cấp thông số đo được.
- Có kết luận, đánh giá rõ ràng tình trạng thiết bị sau khi bảo trì. Có nêu ra biện pháp khắc phục cụ thể khi có phát hiện các dấu hiệu bất thường khi bảo trì thiết bị.

Mẫu báo giá tham khảo

(Đính kèm theo thông báo mời chào giá số 1828/TB-BV.TMHH ngày 26/8/2025)

CÔNG TY:

SỐ ĐIỆN THOẠI:

ĐỊA CHỈ:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Truyền máu Huyết học

Địa chỉ: số 01 Trần Hữu Nghiệp, Xã Tân Nhựt, TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ vào nhu cầu của quý bệnh viện theo thông báo mời chào giá số /TB-BV.TMHH
ngày / /2025

Công ty chúng tôi hân hạnh gửi bảng báo giá như sau:

Stt DM của BV	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị	Tần suất bảo trì lần/năm (lần)	Đơn giá bảo trì 1 thiết bị/1 lần/năm bao gồm VAT (VNĐ)	Thành tiền bao gồm VAT (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)*(5)*(6)
1	Bảo trì Model: Hãng sản xuất:	lần	...	...	...	...
2	Bảo trì Model: Hãng sản xuất:	lần	...	...	...	...
Tổng giá thanh toán (đã bao gồm thuế VAT...%, phí và các chi phí liên quan khác)						...

(Số tiền bằng chữ:)

Các điều khoản khác:

- Giá trên đã bao gồm thuế VAT, chi phí nhân công thực hiện công việc bảo trì, chi phí quản lý và đi lại, chi phí cho các công cụ kỹ thuật phục vụ cho quá trình bảo trì thiết bị (nếu có),.... Báo giá trên **không** bao gồm chi phí sửa chữa, chi phí thay thế vật tư, linh phụ kiện cho thiết bị khi có hư hỏng.
- Báo giá này có hiệu lực trong vòng ... tháng kể từ ngày ký báo giá.
- Đảm bảo đáp ứng tất cả các yêu cầu kỹ thuật và các yêu cầu khác theo nội dung của thông báo mời chào giá số /TB-BV.TMHH ngày / /2025 của bệnh viện.
- Không giới hạn cuộc gọi tư vấn hỗ trợ khi có sự cố, hư hỏng, có hotline của nhân viên kỹ thuật hỗ trợ bệnh viện 24/24.

- Trong quá trình bảo trì, nếu có phát hiện hư hỏng của thiết bị, đơn vị thực hiện bảo trì phải thông báo ngay cho bệnh viện (ghi rõ trên phiếu bảo trì thiết bị) và phải có giải pháp khắc phục kịp thời, đảm bảo cho thiết bị hoạt động liên tục.
- Nhằm đảm bảo khi thiết bị có sự cố hư hỏng xảy ra, đơn vị thực hiện bảo trì cam kết cung cấp các linh phụ kiện, vật tư thay thế đầy đủ và không bị gián đoạn bởi các ngày nghỉ theo quy định của Nhà nước. Việc cung cấp các linh phụ kiện, vật tư thay thế sẽ được thực hiện tại hợp đồng riêng biệt tách khỏi hợp đồng bảo trì thiết bị.
- Kể từ khi nhận được thông báo có sự cố hư hỏng đối với thiết bị từ phía bên A (bằng điện thoại, văn bản, fax): nhân viên kỹ thuật của bên B phải có mặt để giải quyết sự cố trong vòng 08 giờ khi xảy ra sự cố hư hỏng đối với ngày thường và trong vòng 24 giờ đối với ngày nghỉ/ngày lễ theo quy định của Nhà nước.
- Đơn vị bảo trì kiểm tra, khắc phục miễn phí đối với các sự cố, hư hỏng có thể khắc phục tại chỗ mà không cần thay thế vật tư, linh phụ kiện.
- Nội dung công việc bảo trì được thể hiện trong Phiếu bảo trì thiết bị (*đính kèm*). Phiếu bảo trì này là một phần của báo giá và không tách rời khi làm hợp đồng.
- Thông tin liên lạc của công ty:
 - + Hỗ trợ hành chánh:
 - Họ và tên:
 - Điện thoại di động:
 - + Hỗ trợ kỹ thuật (thông tin kỹ sư trực tiếp thực hiện bảo trì):
 - Họ và tên:
 - Điện thoại di động:

Ngày tháng năm 2025

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(ký tên và đóng dấu)

Mẫu phiếu bảo trì tham khảo

(Đính kèm theo thông báo mời chào giá số 1828/TB-BV.TMHH ngày 26/8/2025)

PHIẾU BẢO TRÌ

1	Đơn vị	BỆNH VIỆN TRUYỀN MÁU HUYẾT HỌC
2	Khoa/phòng sử dụng	
3	Ngày thực hiện bảo trì	
THÔNG TIN THIẾT BỊ		
1	Tên thiết bị	
2	Hãng sản xuất	
3	Model	
4	Số seri	

NỘI DUNG BẢO TRÌ

Stt	Nội dung công việc	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thông số đo được	Đạt	Không đạt
1	Kiểm tra.....				
1.1					
1.2					
2	Vệ sinh.....				
2.1					
2.1					
3					
3.1					
3.2					
4					
4.1					
4.2					
5					
5.1					
5.2					

TÌNH TRẠNG THIẾT BỊ SAU BẢO TRÌ:

☐ Hoạt động bình thường

☐ Đang hư hỏng

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ CỦA KỸ SƯ SAU BẢO TRÌ:

1. KẾT LUẬN:

.....

.....

.....

2. KIẾN NGHỊ:

.....

.....

.....

Ý KIẾN CỦA KHOA/PHÒNG SỬ DỤNG:

.....

.....

.....

**PHÒNG VẬT TƯ - TRANG
THIẾT BỊ**
(Ký và ghi rõ họ tên)

KHOA/PHÒNG SỬ DỤNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

KỸ SƯ THỰC HIỆN
(Ký và ghi rõ họ tên)